

Bản án số: 318/2024/DS-ST
Ngày 25 – 9 - 2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 566/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Như N, sinh năm 1996.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:*

Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1975.

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (Bà T, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2024 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Như N trình bày: Trước đây bà có tham gia 06 dây hụi do bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 mở cụ thể sau:

Dây hụi thứ nhất mở ngày 15/11/2021 âm (ngày 18/12/2021 dương), loại hụi 1.000.000 đồng gồm 47 chung, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 15, 30 hàng tháng, bà tham gia 01 chung trong dây hụi tên (N). Khi tham gia bà nộp hụi được 33 kỳ, còn 14 kỳ mãn hụi, vào ngày 30/02/2023 âm bà T đình hụi. Bà nộp hụi thực tế cho bà T tổng số tiền 17.650.000 đồng.

Dây hụi thứ hai mở ngày 15/10/2021 âm (ngày 19/11/2021 dương), loại hụi 500.000 đồng gồm 50 chung, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 15, 30 hàng tháng, bà tham gia

01 chung. Khi tham gia bà nộp hội được 35 kỳ, còn 15 kỳ mãn hội, vào ngày 30/02/2023 âl bà T đình hội. Bà nộp hội thực tế cho bà T tổng số tiền 10.325.000 đồng.

Dây hội thứ ba mở ngày 15/10/2021 âl (ngày 19/11/2021 dl), loại hội 500.000 đồng gồm 50 chung, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 15, 30 hàng tháng, bà tham gia 01 chung. Khi tham gia bà nộp hội được 35 kỳ, còn 15 kỳ mãn hội, vào ngày 30/02/2023 âl bà T đình hội. Bà nộp hội thực tế cho bà T tổng số tiền 10.400.000 đồng.

Dây hội thứ tư mở ngày 15/7/2022 âl (ngày 15/4/2022 dl), loại hội 500.000 đồng gồm 45 chung, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 15, 30 hàng tháng, bà tham gia 02 chung. Khi tham gia bà nộp hội được 17 kỳ, còn 28 kỳ mãn hội, vào ngày 30/02/2023 âl bà T đình hội. Bà nộp hội thực tế cho bà T tổng số tiền 10.350.000 đồng.

Dây hội thứ năm mở ngày 15/7/2022 âl (ngày 15/4/2022 dl), loại hội 500.000 đồng gồm 45 chung, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 15, 30 hàng tháng, bà tham gia 02 chung. Khi tham gia bà nộp hội được 17 kỳ, còn 28 kỳ mãn hội, vào ngày 30/02/2023 âl bà T đình hội. Bà nộp hội thực tế cho bà T tổng số tiền 10.140.000 đồng.

Dây hội thứ sáu mở ngày 15/01/2021 âl (ngày 26/02/2021 dl), loại hội 500.000 đồng gồm 55 chung, mỗi tháng khai 2 lần vào ngày 15, 30 hàng tháng, bà tham gia 02 chung. Khi tham gia bà nộp hội được 52 kỳ, còn 03 kỳ mãn hội, vào ngày 30/02/2023 âl bà T đình hội. Bà nộp hội thực tế cho bà T tổng số tiền 28.300.000 đồng.

Tổng số tiền thực tế bà nộp 06 chung hội cho bà T 87.165.000 đồng. Sau khi đình hội bà T với bà có lập biên bản thỏa thuận ngày 10/02/2024, bà T đồng ý trả bà số tiền 154.000.000 đồng. Trong quá trình thỏa thuận bà T trả bà được số tiền 14.450.000 đồng và không tiếp tục trả đến nay. Bà yêu cầu bà T và ông T1 trả cho bà Tổng số tiền 139.550.000 đồng.

Tại phiên tòa bà N yêu cầu bà T và ông T1 trả cho bà Tổng số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T và ông T1 theo quy định pháp luật, nhưng bà T và ông T1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà T và ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, nhưng bà T và ông T1 vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

[2] Xét bà N yêu cầu bà T và ông T1 trả số tiền hội còn thiếu 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo biên bản cam kết về tiền hội ngày 08/3/2024 có nội

dung: Tôi tên Huỳnh Như N, sinh năm 1996... có chơi hụi của vợ chồng anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 và chị Huỳnh T, sinh năm 1975...tính tới thời điểm hiện tại ngày 30/02/2023, 9 chung hụi sống tổng cộng 154.000.000 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu)... chủ hụi ký tên Huỳnh Thị T, chồng chủ hụi ký tên Nguyễn Văn T1. Hụi Viên ký tên Huỳnh Như N1". Ngoài ra, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định "...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...". Viện dẫn theo các quy định trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T và ông T1 nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà T và ông T1 không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của bà N1, nên bà T và ông T1 phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình. Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1. Buộc bà T và ông T1 trả cho bà N1 tiền hụi còn thiếu 100.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*". Do đó, buộc bà N1 và ông T1 phải chịu án phí số tiền 5.000.000 đồng (100.000.000 đồng x 5%).

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 09/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biểu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Như N.

1. Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 trả cho bà Huỳnh Như N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Như N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà N 3.489.000 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001707 ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Huỳnh Như N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Giang Nam

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 25 tháng 9 năm 2024

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang N2.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Ngọc T2.

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số: 566/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 về Tranh chấp hụi giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Như N, sinh năm 1996.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1975.

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về điều luật căn cứ:

Căn cứ vào điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 09/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biêu, phường.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

2/ Xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Như N.

Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 trả cho bà Huỳnh Như N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

3. Các vấn đề khác:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Như N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà N 3.489.000 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001707 ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về kháng cáo: Bà Huỳnh Như N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 25 tháng 9 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa